



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

05 (79) 2022

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Ủy viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe
CN. Lưu Thị Diệu Hiền

C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 05 năm 2022

Năm thứ mười lăm

Mục lục

Mổ xẻ phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa tự nhiên trong nghiên cứu triết học tâm linh phương Tây <i>Nguyễn Hùng Vương, Mai Thị Hồng Liên</i>	3
An ninh con người trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng <i>Trần Hồng Lưu, Nguyễn Hữu Anh</i>	14
Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam <i>Vũ Thị Phương Giang, Nguyễn Thị Hoài Thanh</i>	22
Liên kết phát triển dịch vụ logistics tại vùng kinh tế trọng điểm miền Trung <i>Hồ Thị Kim Thùy, Phan Thị Sông Thương, Phạm Quốc Trí</i>	29
Phát huy tri thức bản địa của dân tộc Thái ở miền Tây Nghệ An trong phát triển du lịch <i>Lê Thị Bích Thủy</i>	41
Diễn trình hội nhập của người Cor ở huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi <i>Phan Thùy Giang</i>	48
Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dòng họ: Nghiên cứu trường hợp dòng họ Nguyễn Tường tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam <i>Nguyễn Thị Hạnh</i>	56
Tiếp cận giáo dục phổ thông của học sinh người Cơ Tu trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng <i>Phạm Trung Hiếu, Lưu Thị Diệu Hiền</i>	65
Giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh trung học cơ sở ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra <i>Trần Thị Thu Hiền</i>	73

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 05 năm 2022

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiểu tháng 10/2022

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Bimonthly Review

No. 05, 2022

The 15th Year

Contents

Examining the naturalistic approach in Western mystery philosophy <i>Nguyen Hung Vuong, Mai Thi Hong Lien</i>	3
Human security in the 13th National Party Congress documents <i>Tran Hong Luu, Nguyen Huu Anh</i>	14
Protection of intellectual property rights to trademarks by civil remedies in Vietnam <i>Vu Thi Phuong Giang, Nguyen Thi Hoai Thanh</i>	22
Linkages in development of logistics services in the Central key economic region <i>Ho Thi Kim Thuy, Phan Thi Song Thuong, Pham Quoc Tri</i>	29
Utilizing local knowledge of Thai people in tourism development in the West of Nghe An <i>Le Thi Bich Thuy</i>	41
Cor people's national integration into a unified Viet Nam in Tra Bong district, Quang Ngai province <i>Phan Thuy Giang</i>	48
Preservation and promotion of lineage culture's values: A case study of Nguyen Tuong family in Hoi An, Quang Nam <i>Nguyen Thi Hanh</i>	56
Co Tu students' access to general education in Hoa Vang, Da Nang city <i>Pham Trung Hieu, Luu Thi Dieu Hien</i>	65
Education on prevention of sexual harassment for secondary school students in Dien Ban town, Quang Nam province: The current situation and problems <i>Tran Thi Thu Hien</i>	73

Giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh trung học cơ sở ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam: Thực trạng và một số vấn đề đặt ra

Trần Thị Thu Hiền

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: thuhientran@inbox.ru

Tóm tắt: Giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh đã được chú trọng thực hiện tại nhiều nước trên thế giới bởi đây được coi là vấn đề mang tính quan trọng toàn cầu cả ở mức độ và di chứng. Nghiên cứu này khảo sát và phân tích thực trạng hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh bậc trung học cơ sở ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Từ đó, gợi mở một số vấn đề đặt ra trong công tác tổ chức, phối hợp và quản lý chất lượng hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh trung học cơ sở ở thị xã Điện Bàn.

Từ khóa: Giáo dục, quấy rối tình dục, học sinh, trung học cơ sở, Điện Bàn.

Education on prevention of sexual harassment for secondary school students in Dien Ban town, Quang Nam province: The current situation and problems

Abstract: Education on prevention of sexual harassment for students has been paid much attention and executed in many countries around the world because it is considered a global issue both at its levels and sequelae. This study investigates and analyzes the current status of education on sexual harassment prevention for secondary school students in Dien Ban town, Quang Nam province. Building on the results, it indicates several challenges and limitations in the organization, coordination, and quality management of educational activities to prevent sexual harassment for those students in the region.

Keywords: Education, sexual harassment, students, secondary school, Dien Ban.

Ngày nhận bài: 10/9/2022

Ngày duyệt đăng: 15/10/2022

1. Đặt vấn đề

Quấy rối tình dục (QRTD) không còn là một điều quá mới mẻ, thậm chí diễn ra khá phổ biến. Hiện nay, quấy rối tình dục đang là một vấn đề nổi cộm và gây nhiều bức xúc trong dư luận xã hội. Liên tục trong thời gian vừa qua, thông qua công nghệ thông tin và tốc độ lan truyền của mạng xã hội, các sự việc liên quan đến quấy rối tình dục đã và đang gióng lên những hồi chuông báo động và thu hút được sự quan tâm của mọi tầng lớp trong xã hội. Học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) là một trong những đối tượng có nguy cơ bị quấy rối tình dục cao, bởi đa phần các em là những đứa trẻ mới lớn, đang trong độ tuổi dậy thì tâm sinh lý và phát triển cơ thể, các em hiếu động thường tham gia các hoạt động tập thể, đi học ở trường, học thêm vào ban đêm hay hiếu kỳ đến những nơi tụ tập đông người,.... nên nguy cơ dễ bị quấy rối tình dục dẫn đến xâm hại tình dục là rất cao. "Phòng bệnh hơn chữa bệnh", bất cứ ai

cũng đều hiểu ý nghĩa của câu nói này. Vì vậy, việc trang bị cho các em học sinh những kiến thức về phòng chống quấy rối nói chung và quấy rối tình dục nói riêng là một trong những việc quan trọng trong bối cảnh hiện nay.

Theo thống kê của Tổng cục Cảnh sát (Bộ Công an), trung bình mỗi năm có 1.600 - 1.800 vụ xâm hại trẻ em được phát hiện, số lượng năm sau cao hơn năm trước. Trong đó, số trẻ bị hiếp dâm chiếm đến 65% và số trẻ bị xâm hại tình dục nhiều lần chiếm tới 28%,... (Hà Minh Tân, 2016). Cũng theo số liệu từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, trong 5 năm từ 2011 đến 2015, Việt Nam có 5.300 vụ xâm hại tình dục trẻ em. Tính trung bình, cứ 8 giờ trôi qua lại có một trẻ em Việt Nam bị xâm hại (Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam, 2015). Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng con số này chỉ là những vụ việc được báo cáo, còn rất nhiều vụ nạn nhân bị chính kẻ xâm hại, dọa dẫm hoặc vì lý do nào đó đã không được thống kê. Thực tế cho thấy, nếu được trang bị những kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa và can thiệp quấy rối tình dục, học sinh không những có thể tự bảo vệ bản thân mình mà còn tạo sự an tâm, niềm tin tưởng của cha mẹ học sinh khi cho con em học tại các trường trung học cơ sở.

Trong những năm qua, ngành giáo dục tỉnh Quảng Nam nói chung và thị xã Điện Bàn nói riêng đã cố gắng đưa giáo dục phòng, chống quấy rối tình dục cho học sinh bậc trung học cơ sở vào trong quá trình dạy học, thông qua các hoạt động giáo dục giới tính và giáo dục kỹ năng sống bằng những đề án khác nhau. Tuy nhiên, việc rèn luyện kỹ năng sống nói chung và kỹ năng phòng chống quấy rối tình dục nói riêng của các em ở các trường học trên địa bàn còn thấp và chưa thực sự được chú trọng. Hầu hết các trường hiện nay xem giáo dục giới tính như là một việc bắt buộc phải làm và là “môn học phụ, ngoại khóa”; vì tâm thế bắt buộc nên triển khai còn hời hợt, thiếu nghiêm túc,.... Mặt khác, do bản thân cha mẹ chưa nhận thức hết các trường hợp nguy cơ cao trẻ bị quấy rối tình dục, còn bản thân các em chưa được nhà trường trang bị hoặc trang bị chưa thấu đáo những kiến thức cần thiết để có thể tự phòng tránh, bảo vệ chính mình. Không ít trường hợp quấy rối tình dục gây chấn động dư luận vì người gây tội ác lại chính là những người thân thiết trong gia đình. Công tác phối hợp liên ngành trong giáo dục phòng, chống quấy rối tình dục chưa được thực hiện, dẫn đến chưa huy động được sức mạnh của các ngành, các cấp và của cả hệ thống chính trị vào công tác giáo dục phòng, chống quấy rối tình dục cho học sinh trung học cơ sở. Hiệu quả của mối quan hệ phối hợp trong giáo dục phòng, chống quấy rối tình dục còn hạn chế... Để hoạt động trợ giúp cho học sinh trung học cơ sở trong phòng chống quấy rối tình dục có hiệu quả, thì việc trang bị kỹ năng sống, kỹ năng phòng vệ cá nhân là việc làm rất cần thiết.

Sử dụng kết quả khảo sát 209 giáo viên bậc trung học cơ sở trên địa bàn thị xã Điện Bàn, bài viết này tập trung phân tích thực trạng hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh bậc trung học cơ sở ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; đề xuất một số vấn đề đặt ra trong công tác tổ chức, phối hợp và quản lý chất lượng hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh trung học cơ sở ở thị xã Điện Bàn.

2. Thực trạng giáo dục phòng chống quấy rối tình dục học sinh trung học cơ sở tại thị xã Điện Bàn:

Nhằm có tư liệu để đánh giá thực trạng công tác giáo dục phòng chống quấy rối tình dục, nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi 209 giáo viên về những nội dung về giáo dục phòng chống quấy rối tình dục. Trong thang đo likert, điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 4, tương ứng với các tiêu chí trong bảng 1.

Bảng 1. Tiêu chí trong thang đo mức độ đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên

Mức điểm	Mức độ	Các mức độ đánh giá			
		Thường xuyên	Hoàn toàn đồng ý	Rất quan trọng	Rất quan tâm
4	Tốt	Thường xuyên	Hoàn toàn đồng ý	Rất quan trọng	Rất quan tâm
3	Khá	Thỉnh thoảng	Đồng ý	Quan trọng	Quan tâm
2	Trung bình	Ít khi	Phân vân	Ít quan trọng	Ít quan tâm
1	Yếu	Không thực hiện	Không đồng ý	Không quan trọng	Không quan tâm

2.1. Về thực hiện nội dung giáo dục

Giáo dục phòng chống quấy rối tình dục bắt đầu từ việc xây dựng nội dung phòng chống quấy rối tình dục bởi đây là khâu đầu tiên của quá trình giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh. Kết quả điều tra ở bảng 2 cho thấy, nội dung giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh ở các trường trung học cơ sở trên địa bàn thị xã Điện Bàn đã được thực hiện tương đối đầy đủ.

Nội dung được GV đánh giá thứ bậc 1 là “Chuẩn bị cho học sinh sự sẵn sàng về tâm lý đấu tranh phòng ngừa quấy rối tình dục và các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn kịp thời” và “Kỹ năng tự vệ trước tình huống nguy hiểm với học sinh”.

Nội dung được GV đánh giá thứ bậc 2 là “Kỹ năng kiểm soát cảm xúc cho học sinh trước tình huống có nguy cơ bị quấy rối tình dục” và “Kỹ năng tuyên truyền và hỗ trợ phòng ngừa quấy rối tình dục” với điểm trung bình là 3,98.

Ở thứ bậc 3, nội dung được GV đánh giá chính là “Tăng cường khả năng nhận diện được nguy cơ, các biểu hiện và nguyên nhân bị quấy rối tình dục” và “Kỹ năng tìm kiếm sự trợ giúp khi gặp khó khăn, nguy hại” với điểm trung bình là 3.95.

Nội dung “Nâng cao nhận thức cho học sinh về nguy cơ và hậu quả của quấy rối tình dục.” được GV đánh giá ở thứ bậc 5 điểm trung bình 3,91 và “Kỹ năng nhận diện nguy cơ bị quấy rối tình dục” được GV đánh giá ở thứ bậc 4 điểm trung bình 3,92. Đây là các nội dung rất cần thiết để trang bị cho học sinh, được các trường triển khai tương đối đầy đủ.

Nhìn chung, các trường trên địa bàn cũng có sự cố gắng trong việc thực hiện nội dung hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục. Tuy nhiên, những nội dung đã triển khai đó vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu, đòi hỏi về nhận thức, về nội dung, về kỹ năng phòng chống quấy rối tình dục mà học sinh mong muốn. Do vậy, các nhà quản lý cần có những biện pháp hữu hiệu để trang bị cho giáo viên, cho học sinh có những nhận thức đúng đắn, trang bị kỹ năng để ứng phó, phòng chống quấy rối tình dục.

Bảng 2. Mức độ quan tâm của GV về triển khai các nội dung giáo dục

TT	Nội dung giáo dục	Mức độ thực hiện	
		Điểm trung bình	Thứ bậc
1	Tăng cường khả năng nhận diện được nguy cơ, các biểu hiện và nguyên nhân bị quấy rối tình dục	3,95	3
2	Chuẩn bị cho học sinh sự sẵn sàng về tâm lý đấu tranh phòng chống quấy rối tình dục và các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn kịp thời	4,0	1

3	Nâng cao nhận thức cho học sinh về nguy cơ và hậu quả của quấy rối tình dục.	3,91	5
4	Kỹ năng nhận diện nguy cơ bị quấy rối tình dục	3,92	4
5	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc cho học sinh trước tình huống có nguy cơ bị quấy rối tình dục	3,98	2
6	Kỹ năng tự vệ trước tình huống nguy hiểm với học sinh	4,0	1
7	Kỹ năng tìm kiếm sự trợ giúp khi gặp khó khăn, nguy hại	3,95	3
8	Kỹ năng tuyên truyền và hỗ trợ phòng chống quấy rối tình dục	3,98	2

(Nguồn: Kết quả điều tra năm 2022)

2.2. Về phương pháp tổ chức

Bảng 3 phản ánh kết quả điều tra về mức độ sử dụng các phương pháp giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh trung học cơ sở tại thị xã Điện Bàn. Kết quả điều tra cho thấy, các nhà trường thực hiện tương đối đầy đủ các phương pháp. Trong đó, phương pháp được sử dụng nhiều nhất và xếp thứ bậc 1 là “phương pháp trò chuyện, khuyên răn điểm”, đạt điểm trung bình 4,0. Các phương pháp còn lại từ thứ bậc 2 là “Phương pháp thảo luận” điểm trung bình 3,93 và xếp thứ bậc cuối cùng với điểm trung bình 3,77. Như vậy, các nhà trường đã có sử dụng các phương pháp trên khá tốt, song các phương pháp tạo lập hành vi và điều chỉnh thái độ cần được tiếp tục nâng cao hiệu quả.

Bảng 3. Mức độ sử dụng các phương pháp

TT	Các phương pháp giáo dục phòng chống quấy rối tình dục Điểm trung bình	Mức độ thực hiện	
		Thứ bậc	
1. Nhóm phương pháp tác động vào ý thức			
1.1	Phương pháp trò chuyện, khuyên răn	4,0	1
1.2	Phương pháp thảo luận	3,93	2
2. Nhóm phương pháp tạo lập hành vi thói quen			
2.1	Phương pháp giao việc	3,83	3
2.2.	Phương pháp luyện tập	3,77	5
2.3	Phương pháp tổ chức các hoạt động cho HS	3,77	5
3. Nhóm phương pháp điều chỉnh thái độ			
3.1	phương pháp nêu gương	3,77	5
3.2	phương pháp trải nghiệm	3,81	4
3.3	phương pháp sắm vai	3,81	4
3.4	phương pháp khen thưởng	3,83	3
3.5	phương pháp trách phạt	3,77	5

(Nguồn: Kết quả điều tra năm 2022)

2.3. Về công tác phối hợp

Việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện các phẩm chất và năng lực nhằm giúp học sinh phát triển nhân cách một cách toàn diện là một quá trình liên tục, lâu dài, diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau, liên quan rất nhiều đến các mối quan hệ xã hội phức tạp. Vì thế, việc giáo

dục luôn luôn đòi hỏi sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ của nhiều lực lượng xã hội và nhất là đòi hỏi sự quan tâm đúng cách của nhà trường, gia đình và mọi người trong xã hội. Đây được xem là vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo cho mọi hoạt động giáo dục có điều kiện đạt hiệu quả tốt. Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, nhà trường đã chú trọng đến công tác phối hợp với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nhà trường để thực hiện công tác giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh. Mức độ phối hợp nhiều nhất là với các lực lượng trong nhà trường chiếm tỉ lệ 83,3% xếp thứ bậc 1.

Việc phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường, trong đó “Phối hợp với Hội cha mẹ học sinh” chiếm tỉ lệ 77,8%, xếp thứ bậc 2. Đây là hình thức phối hợp phổ biến được sử dụng rộng rãi và có hiệu quả. Trong quá trình phối hợp, nhà trường, giáo viên chủ nhiệm có thể tìm hiểu cụ thể hoàn cảnh sống, lao động, học tập và tu dưỡng của học sinh, hiểu được sự giáo dục của gia đình; cùng gia đình kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình giáo dục. Qua đó, tạo ra và củng cố sự tin cậy lẫn nhau giữa hai bên. Nhờ vậy hiệu quả giáo dục học sinh sẽ được nâng cao.

Các trường còn chú trọng đến công tác “Phối hợp với phòng giáo dục” tranh thủ sự chỉ đạo từ lãnh đạo để có cơ sở hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục, tỉ lệ chiếm 61,1%, xếp thứ bậc 3. Tuy nhiên, một số trường chưa chú trọng “Phối hợp với phòng công tác xã hội”, với tỉ lệ 11,1%.

Tóm lại, công tác phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường đối với việc giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh là một nguyên tắc cơ bản nếu muốn có sự thành công. Sự phối hợp chặt chẽ các môi trường giáo dục trên, trước là để đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức cũng như hoạt động giáo dục cùng một hướng, một mục đích, một tác động tổ hợp, đồng tâm tạo sức mạnh kích thích, thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách của học sinh, trong việc lựa chọn, định hướng các giá trị tốt đẹp của nhân cách, chủ động tạo ra những mối quan hệ phối hợp vì mục tiêu giáo dục đào tạo thế hệ trẻ thành những người công dân hữu ích cho đất nước. Tuy nhiên, nhà trường vẫn chưa làm tốt công tác phối hợp với lực lượng bên ngoài nhà trường, đặc biệt là các tổ chức đoàn thể khác và phòng công tác xã hội. Đây là những lực lượng sẽ hỗ trợ rất đắc lực cho công tác giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh. Do đó các nhà trường cần có biện pháp tăng cường phối hợp với các lực lượng này để đem lại hiệu quả giáo dục.

Bảng 4. Tần suất phối hợp (N=18)

TT	Các tổ chức cá nhân	Tần suất	%	Thứ bậc
1	Phối hợp với các lực lượng bên trong nhà trường (GVCN-GVBM-BGH- NV-TPTĐ -HS)	15	83,3	1
2	Phối hợp với Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh	14	77,8	2
3	Phối hợp với chính quyền địa phương	8	44,4	4
4	Phối hợp với phòng giáo dục	11	61,1	3
5	Phối hợp với phòng công tác xã hội	2	11,1	6
6	Phối hợp với các tổ chức đoàn thể khác	7	38,9	5

(Nguồn: Kết quả điều tra)

2.4. Về các điều kiện hỗ trợ giáo dục

Kết quả khảo sát tại bảng 5 cho thấy, giáo viên đánh giá cao các điều kiện để hỗ trợ công tác giáo dục phòng chống quấy rối tình dục. Các mức độ đánh giá rơi vào mức rất quan trọng

và quan trọng. Trong đó, xếp thứ bậc 1, 2 là các điều kiện “Đảm bảo về nguồn lực, đội ngũ Cán bộ - Giáo viên – Nhân viên tham gia hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục”, “Vai trò của học sinh trong việc ngăn chặn, tố giác hành vi quấy rối tình dục” điểm trung bình từ 3,93 đến 4,0 tương đương mức đánh giá “Rất quan trọng”. Xếp thứ bậc 3,4 là các điều kiện “Tác động của môi trường đến hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục”, “Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục của nhà trường”, điểm trung bình là 3,81 và 3,83 tương ứng với mức “Quan trọng”. Xếp thứ bậc cuối cùng là điều kiện “Đảm bảo các chính sách để thực hiện hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục” ở thứ bậc 5, điểm trung bình 3,77 tương đương mức “ít quan trọng”.

Như vậy để đảm bảo công tác giáo dục phòng chống quấy rối tình dục mang lại hiệu quả thì các nhà quản lý giáo dục phải chú ý đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bồi dưỡng đội ngũ và nâng cao ý thức và năng lực tự giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh.

Bảng 5. Đánh giá các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện	
		Điểm trung bình	Thứ bậc
1	Tác động của môi trường đến hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục	3,83	3
2	Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ cho hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục của nhà trường	3,81	4
3	Đảm bảo về nguồn lực, đội ngũ Cán bộ - Giáo viên – Nhân viên tham gia hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục	4,0	1
4	Vai trò của học sinh trong việc ngăn chặn, tố giác hành vi quấy rối tình dục	3,93	2
5	Đảm bảo các chính sách để thực hiện hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục	3,77	5

(Nguồn: Kết quả điều tra)

3. Một số vấn đề đặt ra

Nhìn vào kết quả khảo sát cho thấy, tính hiệu quả của công tác giáo dục phòng ngừa quấy rối tình dục cho học sinh xuất phát từ nhiều yếu tố, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến quá trình giáo dục và mức độ ảnh hưởng cũng khác nhau, có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác này.

Thứ nhất, nhận định mang tính chủ quan, là do sự thay đổi tâm lý lứa tuổi đó là do thiếu ý thức, thiếu tự chủ không kiểm chế cảm xúc, hay bị lôi kéo, cảm dỗ bởi những đối tượng không tiến bộ, hay tiếp xúc với những văn hóa phẩm không lành mạnh, hay truy cập những “trang Web đen” học hỏi những cái xấu nên không kìm chế được bản thân. Đồng thời, những học sinh sống trong môi trường giáo dục không tốt, nên tạo cho họ có thói quen không tốt, không lành mạnh, không thừa hưởng sự giáo dục tốt nên không có ý thức tự rèn bản thân.

Thứ hai, do sự tác động của cơ chế thị trường, ảnh hưởng của xã hội, sự bùng nổ của công nghệ thông tin, văn hóa lai căn cũng ảnh hưởng đến lối sống của học sinh. Do quá trình hội nhập, mở cửa, tâm lý học sinh muốn tiếp thu cái mới, cái lạ nhưng chưa chọn lọc mà học đua

đòi nên một bộ phận học sinh chạy theo một cách mù quáng mà không có sự nhận thức đúng đắn. Vì vậy, các nhà trường phải giáo dục cho học sinh nhận thức đầy đủ và đúng đắn vấn đề.

Thứ ba, chất lượng giáo dục phòng ngừa và quản lý công tác giáo dục phòng ngừa nói chung và phòng ngừa quấy rối tình dục cho học sinh các trường THCS nói riêng chưa cao. Các bộ phận chức năng trong nhà trường hoạt động chưa đều. Bên cạnh đó, các lực lượng xã hội cũng chưa dành sự quan tâm đúng mức trong công tác giáo dục phòng ngừa quấy rối tình dục cho học sinh. Công tác này ít nhiều mang tính nhạy cảm, học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội chưa mạnh dạn nhìn nhận sự việc và chưa mạnh mẽ đấu tranh, ngăn chặn. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nguyên nhân chủ quan và khách quan nêu trên. Nếu có sự phối kết hợp tốt giữa giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội và có những biện pháp hữu hiệu tác động tích cực đến tâm lý học sinh, giúp các em nhận thức đúng đắn thì sẽ ngăn chặn được những tác động tiêu cực, những nguy cơ tiềm ẩn đến với học sinh.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng về hoạt động giáo dục phòng chống QRTD cho học sinh bậc THCS ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cho thấy: Thị xã Điện Bàn bước đầu đã trang bị cho học sinh một số kiến thức cơ bản về xâm hại tình dục, các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra, áp dụng một số hình thức giáo dục hợp lý,... đã đem đến tác động tích cực góp phần hiệu quả trong hoạt động giáo dục phòng chống QRTD cho học sinh bậc THCS. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong công tác này, chẳng hạn hoạt động giáo dục phòng chống QRTD cho học sinh bậc THCS chưa thực sự được quan tâm đúng mức, còn một số hạn chế nhất định.

Giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh góp phần thực hiện chương trình chăm sóc, giáo dục và bảo vệ, thực hiện quyền đối với trẻ em; hướng tới hình thành và phát triển năng lực tâm lý - xã hội, giúp học sinh phát huy nội lực với những kĩ năng hành động cụ thể để tự bảo vệ và ứng phó trước hoàn cảnh bất lợi, hướng tới phát triển nhân cách toàn diện học sinh, đáp ứng xu thế đổi mới chương trình giáo dục phổ thông tổng thể ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, việc tổ chức và quản lý chất lượng hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục trong nhà trường phổ thông là cần thiết và thực sự có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phòng chống quấy rối tình dục cho học sinh cũng như chất lượng giáo dục trong nhà trường phổ thông.

Tài liệu tham khảo

Austrian Aids & World Vision (2014a). *Phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em- hướng dẫn thảo luận với cha mẹ và người chăm sóc trẻ*. Tầm nhìn thế giới Việt Nam.

Austrian Aids & World Vision (2014b). *Phòng ngừa xâm hại tình dục cho trẻ em- Tài liệu dành cho Cán bộ cộng đồng*. Tầm nhìn thế giới Việt Nam.

Cục Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em (2012). *Tài liệu tập huấn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em*. Bộ Lao động và Thương binh xã hội, Hà Nội.

David Finkelhor (2009). *Phòng ngừa lạm dụng tình dục trẻ em*. Trung tâm Nghiên cứu chống lại các tội ác trẻ em. Đại học New Hampshire, Hoa Kỳ.

Đào Xuân Dũng (1996). *Giáo dục giới tính*. Nxb Thanh niên, Hà Nội.

Nguyễn Lan Hải (2016). *Cẩm nang Giáo dục giới tính giúp trẻ tránh bị xâm hại – “Luật bàn tay” và “Nguyên tắc đồ lót”*. Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

Dương Tuyết Miên (2005). Những hậu quả tâm lý đối với nạn nhân của tội hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em và giải pháp khắc phục. *Tạp chí Luật học*. Số Đặc san về Bình đẳng giới.

Trần Thị Cẩm Nhung (2012). Một số cách tiếp cận nghiên cứu xâm hại tình dục trẻ em qua các nghiên cứu nước ngoài. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 6/2012.

Phạm Thị Thúy (2017). *Cẩm nang phòng tránh bị xâm hại tình dục cho con - Phụ huynh cần biết*. Nxb Saigonbooks.

Lưu Thu Thủy – chủ biên (2012). *Tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các môn học*. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên, Hà Nội.

Hà Minh Tân (2016). Điều tra vụ án xâm hại tình dục trẻ em. Luận án tiến sĩ Luật học. Chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm. Học viện Cảnh sát Nhân dân, Hà Nội.

Lê Quang Sơn và cộng sự (2009). *Hành trình thành niên*. Giáo trình điện tử về giáo dục giới tính, tình dục và sức khỏe sinh sản cho sinh viên. Quý Dân số Thế giới và Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

Đỗ Lan Phương (2017). Phòng ngừa xâm hại tình dục ở Ôxtraylia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 6 (303), tr. 59 - 63.

UNESCO (2009). *International Technical Guidance on Sexuality Education An evidence-informed approach for schools, teachers and health educators*. UNESCO, Paris.

UNESCO (2006a). *Giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam*. UNESCO, Hà Nội.

UNESCO (2006b). *Tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn*. UNESCO, Hà Nội.